TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐAN PHƯỢNG** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2020/HNGĐ - ST

Ngày: 07/5/2020

V/v: Ly hôn và tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐAN PHƯỢNG, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Xuân Trường

Bà Nguyễn Thị Sen

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trí Tuân – Thẩm tra viên chính Toà án nhân dân huyện Đan Phượng

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thanh Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đan Phượng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 05/2020/TLST- HNGĐ ngày 13 tháng 01 năm 2020 về ly hôn và tranh chấp nuôi con. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2020/QĐXX-ST ngày 06 tháng 3 năm 2020; Thông báo tạm dừng phiên tòa số 01/TB-TA ngày 12/3/2020; Thông báo mở lại phiên tòa số 05/TB-TA ngày 23/3/2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Phương M, sinh năm 1986

Địa chỉ: 236 Bạch M, phường Bạch M, quận Hai Bà Tr, Thành phố Hà Nội (Có mặt).

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Duy T, sinh năm 1986

Địa chỉ: Cụm 12, xã Tân H, huyện Đan Ph, Thành phố Hà Nội (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 06/01/2020 và trong quá trình tham gia tố tụng tại Toà án nguyên đơn chị Nguyễn Phương M trình bày: Chị và anh Nguyễn Duy T kết hôn trên cơ sở tự nguyện vào năm 2015, tại Ủy ban nhân dân Tân H. Trước khi kết hôn, chị và anh T được tự do tìm hiểu khoảng 3 tháng. Sau khi kết hôn, chị về chung sống cùng anh T tại gia đình bố mẹ đẻ anh T. Sau đó, chị và anh T chuyển đến nhà riêng của bố mẹ đẻ chị ở nhờ. Vợ chồng chung sống được khoảng 3 tháng thì bắt đầu mâu thuẫn nhưng mâu thuẫn đỉnh điểm nhất vào tháng 4/2018. Nguyên nhân do anh T thường xuyên bị kích động tâm lý ở bên ngoài nên đánh chị. Chị đã gửi đơn xin ly hôn anh T lần thứ nhất tại Tòa án huyện Đan

Phượng, anh T xin lỗi chị và chị đã rút đơn khởi kiện. Sau đó, vợ chồng chung sống với nhau được khoảng hơn 1 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Mâu thuẫn lần này do anh T chời cờ bạc, uống rượu, chị khuyên ngăn thì anh T đánh. Anh T đã chuyển về nhà bố mẹ đẻ anh T ở hẳn từ tháng 12/2019, vợ chồng sống ly thân nhau và không quan tâm gì đến nhau nữa từ đó đến nay. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được và đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn anh T.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên cháu là Nguyễn Duy Đức Tr, sinh ngày 16/9/2016. Chị trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Tr từ nhỏ cho đến nay. Ly hôn chị xin nuôi cháu Tr và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung. Chị có đủ điều kiện kinh tế, trình độ để giáo dục, nuôi dưỡng cháu Tr. Chị đang làm việc tại Công ty cổ phần VA INVESTMENT thu nhập bình quân lương theo hợp đồng 18.000.000 đồng/tháng. Anh T làm việc tại VIETTEL IBC thu nhập 15.000.000 đồng/tháng nhưng anh T không đưa lương cho chị chi tiêu trong gia đình và nuôi con.

Về tài sản chung, nợ: Quá trình vợ chồng chung sống cùng nhau không có tài sản chung gì, không vay nợ ai cũng như không cho ai vay nợ. Vợ chồng không có công sức đóng góp gì vào khối tài sản chung của gia đình vợ cũng như gia đình chồng.

Tại biên bản lấy lời khai, quá trình tham gia tố tụng bị đơn anh Nguyễn Duy T trình bày: Về thời gian, điều kiện kết hôn anh nhất trí lời trình bày của chị Mai. Sau khi kết hôn, chị M về chung sống cùng anh tại gia đình bố mẹ anh được khoảng 3 tháng thì chị M chuyển về nhà bố mẹ đẻ chị M ở để tiện đi làm. Đầu năm 2017, anh và chị M chuyển đến nhà riêng của bố mẹ đẻ chị M ở nhờ đến nay. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh và chị M bất đồng về cách ứng xử với gia đình anh. Sau đó, chị M đã gửi đơn xin ly hôn anh lần thứ nhất tại Tòa án huyện Đan Phượng; anh đã xin lỗi chị M và vợ chồng về đoàn tụ. Đến tháng 12/2019, anh và chị M lại phát sinh mâu thuẫn là do anh đi họp lớp đã kể lại cho chị M về việc chơi bài; chị M có nhắc lại vài lần "lát rượu, cờ bạc, trai gái", anh bức xúc đánh chị M hai cái vào mặt. Sau đó, anh đã chuyển về ở hẳn nhà riêng của bố mẹ anh, vợ chồng chính thức sống ly thân nhau từ đó cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân, anh có xin lỗi và động viên chị M đoàn tụ nhưng chị Mai cương quyết xin ly hôn thì anh đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung như chị M trình bày là đúng. Ly hôn anh xin nuôi cháu Tr và không yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con chung. Thu nhập của anh đảm bảo việc nuôi cháu Tr, còn chị M làm nghề gì thì anh không rõ.

Về tài sản chung, nợ: Không có và đồng ý lời trình bày của chị M nêu trên.

Tại phiên toà:

Chị Nguyễn Phương M trình bày: Chị và anh T thường xuyên phát sinh mâu thuẫn nhưng vì chị thương cháu Tr nên bỏ qua mọi chuyện để nuôi dạy con chung. Trong cuộc sống hàng ngày anh T không quan tâm đến chị, cháu Tr. Anh T đã đánh và đuổi chị ngay cả khi ở nhà của bố mẹ chị. Chị và anh T hiện tại không còn tình

cảm với nhau nên chị cương quyết xin ly hôn anh T. Chị giữ nguyên các quan điểm đã trình bày về con chung và tài sản chung.

Anh Nguyễn Duy T trình bày: Anh mong muốn chị M suy nghĩ lại để vợ chồng đoàn tụ nuôi dạy con chung. Còn chị M cương quyết xin ly hôn thì anh đồng ý. Anh giữ nguyên các quan điểm đã trình bày về con chung và tài sản chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đan Phượng tại phiên tòa phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán kể từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật; việc cấp, tống đạt các văn bản tố tụng cho đương sự, thu thập chứng cứ, tài liệu, thời hạn chuẩn bị xét xử được thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà chấp hành đúng theo trình tự Bộ luật tố tụng dân sự quy định.

Về nội dung: Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Nguyễn Phương M và anh Nguyễn Duy T đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị M xin ly hôn anh T đồng ý. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 56, 58, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân gia đình cho chị Nguyễn Phương M được ly hôn anh Nguyễn Duy T. Về con chung, giao cho chị Nguyễn Phương M trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Duy Đức Tr. Chị M không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh T đến khi có quyết định khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Phương M có đơn khởi kiện về việc xin ly hôn với anh Nguyễn Duy T có địa chỉ tại cụm 12, xã Tân Hội, huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội. Theo quy định của pháp luật thì đây là vụ án hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đan Phượng theo quy định tại các Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của chị M xin được ly hôn với anh T.

Hội đồng xét xử xét thấy: Chị M và anh T kết hôn vào năm 2015, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Tân Hội trên cơ sở tự nguyện là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, chị M, anh T chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Chị M khởi kiện xin ly hôn anh T lần thứ nhất tại Tòa án huyện Đan Phượng, anh T xin lỗi chị M nên chị M rút đơn khởi kiện. Vợ chồng về đoàn tụ, đến tháng 12/2019, chị M và anh T lại phát sinh mâu thuẫn, anh T đã chuyển hẳn về nhà bố mẹ đẻ sinh sống và vợ chồng đã sống ly thân từ đó cho đến nay. Chị M xin ly hôn và anh T đồng ý. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa chị M và anh T đã đến mức độ trầm trọng, đời sống chung không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị M, xử cho chị Nguyễn Phương M và anh Nguyễn Duy T được ly hôn là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Xét yêu cầu của chị M xin được nuôi cháu Nguyễn Duy Đức Tr.

Hội đồng xét xử xét thấy: Cả chị M và anh T có nguyện vọng nuôi dưỡng cháu Tr. Chị M, anh T đều có mức thu nhập đảm bảo cho việc chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Tr. Tuy nhiên, cháu Tr sinh ra và lớn lên đến nay đều sinh sống cùng anh T và chị M tại nhà riêng của bố mẹ đẻ chị M; hiện nay chị M đang nuôi dưỡng cháu Tr. Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chưa thành niên, Hội đồng xét xử giao cháu Nguyễn Duy Đức Tr cho chị M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Xét thấy chị M không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung là tự nguyện nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ: Chị M, anh T xác định vợ chồng không có tài sản chung gì, không vay nợ ai cũng như không cho ai vay nợ nên Hội đồng xét xử không phải giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Phương M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào các Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Phương M. Cho chị Nguyễn Phương M và anh Nguyễn Duy T được ly hôn.

2. Về con chung: Chị Nguyễn Phương M và anh Nguyễn Duy T có 01 con chung tên cháu là: Nguyễn Duy Đức Tr, sinh ngày 16/9/2016. Giao cháu Nguyễn Duy Đức Tr cho chị M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi 18 tuổi hoặc khi có quyết định khác của cơ quan có thẩm quyền. Chị M không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh T cho đến khi chị M có yêu cầu hoặc khi có quyết định khác của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ: Không có

4. Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chị Nguyễn Phương M phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu số 0014294 ngày 13/01/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội.

5. Căn cứ Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự:

Chị Nguyễn Phương M, anh Nguyễn Duy T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm./.

Nơi nhận
- VKSND huyện Đan Phượng;
- Chi cục THADS huyện Đan Phượng;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Trần Thị Thu